

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DS-ST

Ngày 31 tháng 5 năm 2022

Tranh chấp: Hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Nguyễn Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: Tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T N, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 0, L, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn T N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 00, đường D7, khu đô thị mới B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Châu T K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Lô 00, đường D7, khu đô thị mới B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T N trình bày: Ông Nguyễn T N có tham gia chơi hui do bà làm chủ, cụ thể các chung hui gồm:

- Hui khai ngày 25/12/2019 âm lịch, loại hui 3.000.000 đồng/tháng, đây hui gồm 30 chung, ông N tham gia 03 chung và đã hót hui xong, còn nợ lại 07 kỳ/03 chung với số tiền 63.000.000 đồng.

- Hui khai ngày 20/8/2020 âm lịch, loại hui 5.000.000 đồng/tháng, đây hui gồm 30 chung, ông N tham gia 01 chung và đã hót xong, tính đến khi mãn hui thì còn nợ lại 16 kỳ với số tiền 80.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hui là 143.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Do

dây hụi 5.000.000 đồng/tháng đến nay chưa mẫn hụi, dây hụi này mẫn vào ngày 20/01/2023 âm lịch, nên yêu cầu tính nợ hụi đến ngày xét xử ông N chưa đóng là 07 kỳ với số tiền 35.000.000 đồng. Còn dây hụi 3.000.000 đồng/tháng thì đã mẫn hụi vào ngày 25/4/2022 âm lịch. Nguyên đơn yêu cầu ông N và bà K cùng có trách nhiệm trả nợ hụi là 98.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn T N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu T K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N, bà K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Căn cứ vào các chứng cứ do bà N cung cấp cho Tòa án, cụ thể là danh sách hụi viên và các biên nhận nhận tiền hụi thể hiện ông N có tham gia các dây hụi do bà N làm chủ và còn nợ tiền hụi như sau:

- Dây hụi khai ngày 25/12/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng/tháng. Dây hụi gồm 30 chung, ông N tham gia 03 chung. Chung hụi thứ nhất hốt vào kỳ thứ 03, chung hụi thứ hai hốt vào kỳ thứ 05 và chung hụi thứ ba hốt vào kỳ thứ 06. Các chung hụi này ông N đóng hụi chết đến kỳ thứ 23 thì ngưng. Hiện nay dây hụi này đã mẫn. Số tiền hụi chết của 03 chung hụi này còn nợ lại 07 kỳ x 3.000.000 đồng/03 chung hụi là 63.000.000 đồng.

- Dây hụi khai ngày 20/8/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Dây hụi gồm 30 chung, ông N tham gia 01 chung. Chung hụi này ông N đã hốt vào kỳ thứ 02, đóng hụi chết đến kỳ thứ 14 thì ngưng. Hiện nay dây hụi này chưa mẫn (dây hụi mẫn vào ngày 20/01/2023 âm lịch). Tính đến ngày xét xử thì số tiền hụi chết của chung hụi này ông N chưa đóng là 07 kỳ x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi là 98.000.000 đồng.

Bà N thừa nhận quá trình ông N tham gia hụi và hốt hụi do bà làm chủ thì bà Châu T K là vợ ông N hoàn toàn không biết nhưng do khoản nợ hụi này của ông N phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông N và bà K hiện nay vẫn còn là vợ chồng nên yêu cầu bà K phải có trách nhiệm cùng với ông N trả nợ hụi cho bà.

Bà Châu T K xác định hoàn toàn không hay biết việc ông N có tham gia hụi và hốt hụi do bà N làm chủ, trước đó bà không biết bà N là ai. Hiện nay ông N đã đi làm ăn xa và có thông tin cho bà biết là có nợ tiền hụi của bà N, còn nợ bao nhiêu thì bà không rõ. Việc ông N hốt hụi là để phục vụ cho công việc của ông N, là nợ riêng của ông N. Tuy nhiên, bà đồng ý nhận trách nhiệm cùng với ông N trả khoản nợ hụi này cho bà N. Xét đây là sự tự nguyện của bà K, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T N về việc buộc ông Nguyễn T N và bà Châu T K cùng có trách nhiệm trả cho bà N tiền nợ hụi

98.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà N không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Ông N và bà K cùng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T N. Buộc ông Nguyễn T N và bà Châu T K cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T N số tiền hui 98.00.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Nguyễn T N và bà Châu T K cùng phải chịu án phí là 4.900.000 đồng (chưa nộp).

- Bà Nguyễn Thị T N không phải chịu án phí. Ngày 11/02/2022 bà N có dự nộp 3.575.000 đồng theo biên lai số 0000943 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N và bà K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang